CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KIM KHÍ VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN MINH HẢI

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KIM KHÍ VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN MINH HẢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH HAI ELECTRICAL EQUIPMENT AND METAL SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110517344

3. Ngày thành lập: 23/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 176 Đường Tả Thanh Oai, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0985574519* Fax:

Email: *minhhaicompany23@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	*4530*
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	*4543*
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	*4610*
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	*4620*
10.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
11.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
12.	Bán buôn đồ uống	*4633*

13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược)	*4649*
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	*4659*
19.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng miếng)	*4662(Chính)*
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	*4669*
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	*8299*
23.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
24.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	*9529*
25.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	*4690*
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4719*
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
31.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	*2013*
32.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
33.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	*2219*
34.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
35.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
36.	Đúc sắt, thép (Trừ sản xuất vàng miếng)	*2431*
37.	Đúc kim loại màu (Trừ sản xuất vàng miếng)	*2432*
38.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
39.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*

40.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
41.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*
42.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương Quân đội)	*2599*
43.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	*2651*
44.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
45.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	*2811*
46.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	*2812*
47.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	*2813*
48.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	*2814*
49.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	*2815*
50.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	*2816*
51.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	*2818*
52.	Sản xuất máy thông dụng khác	*2819*
53.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	*2821*
54.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	*2822*
55.	Sản xuất máy luyện kim	*2823*
56.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	*2824*
57.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	*2825*
58.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	*2826*
59.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	*2829*
60.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	*2920*
61.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	*2930*
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781*
63.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	*4784*
64.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: - Hoạt động của đấu giá viên,- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;- Bán lẻ tem và tiền kim khí;)	*4789*
65.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	*4791*
66.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	*4799*

67.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
68.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồn	*4932*
69.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	*4933*
70.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
71.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm.)	*7730*
73.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
74.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
75.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
76.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
77.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
78.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
79.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
80.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
81.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
82.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
83.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
84.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)	*4773*

6. Vốn điều lệ: 2.800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THỊ HỒNG	Việt Nam	Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.120.000.000	40,000	033187009147	

2	NGUYỄN XUÂN THÙY	Việt Nam	Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.680.000.000	60,000	001085034397	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN XUÂN THÙY Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/03/1985* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001085034397*

Ngày cấp: *25/04/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội